

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
VĂN PHÒNG

\*

Số 725-CV/VPTW

V/v gửi Bài viết của đồng chí Tổng Bí thư  
Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên  
chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và Phát biểu tại Hội nghị  
tổng kết công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương  
nhiệm kỳ 2016 - 2021

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG VĂN PHÒNG	
Số	5500
ĐẾN	Ngày 10/5/2021
Chuyên	Kinh gửi:

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK NÔNG	
Số	497
ĐẾN	Ngày 28/5/2021
Chuyên	Độc

- Kinh gửi:
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
  - Các ban đảng, ban cán sự đảng,  
đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
  - Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
  - Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,

Văn phòng Trung ương Đảng xin gửi các đồng chí Bài viết quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng "Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam" và Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị tổng kết công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021, ngày 17/4/2021 để nghiên cứu, phục vụ công tác (văn bản kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đăng Bình

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG  
VĂN PHÒNG

\*

Số 28 -BS/VPTU

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV;
- Các Đảng bộ trực thuộc;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



Người ký: Văn phòng  
Email:  
VPTU@TU.daknong  
Cơ quan: Tỉnh ủy Đăk  
Nông  
Thời gian ký: 21.05.2021  
15:37:53 -07:00

SAO LỤC

Đăk Nông, ngày 21 tháng 5 năm 2021  
CHỖ VĂN PHÒNG



Lê Văn Chiến

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN  
VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN  
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

-----

*Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng*  
*Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*

*Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam. Và cũng chỉ tập trung vào trả lời mấy câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?*

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: chủ nghĩa xã hội là một *học thuyết*; chủ nghĩa xã hội là một *phong trào*; chủ nghĩa xã hội là một *chế độ*. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thế giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa xã hội đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác - Lênin trong thời đại ngày nay. Vậy thì chúng ta phải *định hình* chủ nghĩa xã hội thế nào, và *định hướng* đi lên chủ nghĩa xã hội thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể ở Việt Nam?

Trước đây, khi còn Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường

như không có gì phải bàn, nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị thì hí hửng, vui mừng, thừa cơ dân tới để xuyên tạc, chống phá. Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?

Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiên bộ hơn so với trước. Từ giữa thập kỷ 70 và nhất là từ sau khi Liên Xô tan rã, để thích ứng với điều kiện mới, chủ nghĩa tư bản thế giới đã ra sức tự điều chỉnh, thúc đẩy các chính sách "tự do mới" trên quy mô toàn cầu; và nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc

biệt là, năm 2008 - 2009 chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Các nhà nước, các chính phủ tư sản ở Phương Tây đã bơm những lượng tiền khổng lồ để cứu các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, các tổ hợp công nghiệp, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, nhưng không mấy thành công. Và hôm nay, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Những tình huống "phát triển xấu", những nghịch lý "phản phát triển", từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa *lao động* và *tư bản* toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất

ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính *không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái* của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức "dân chủ tự do" mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào "99 chống lại 1" diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao *bình đẳng về quyền* nhưng không kèm theo sự *bình đẳng về điều kiện để thực hiện* các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là "tự do", "dân chủ" dù có thể thay đổi chính phủ nhưng không thể thay đổi được các thể lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

*Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên*

*phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, "cá lớn nuốt cá bé" vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hoà với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.*

\*

\*   \*   \*

Như chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần "*Không có gì quý hơn Độc lập Tự do*".

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, *chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể*

*giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.*

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: "Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa". Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử".

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

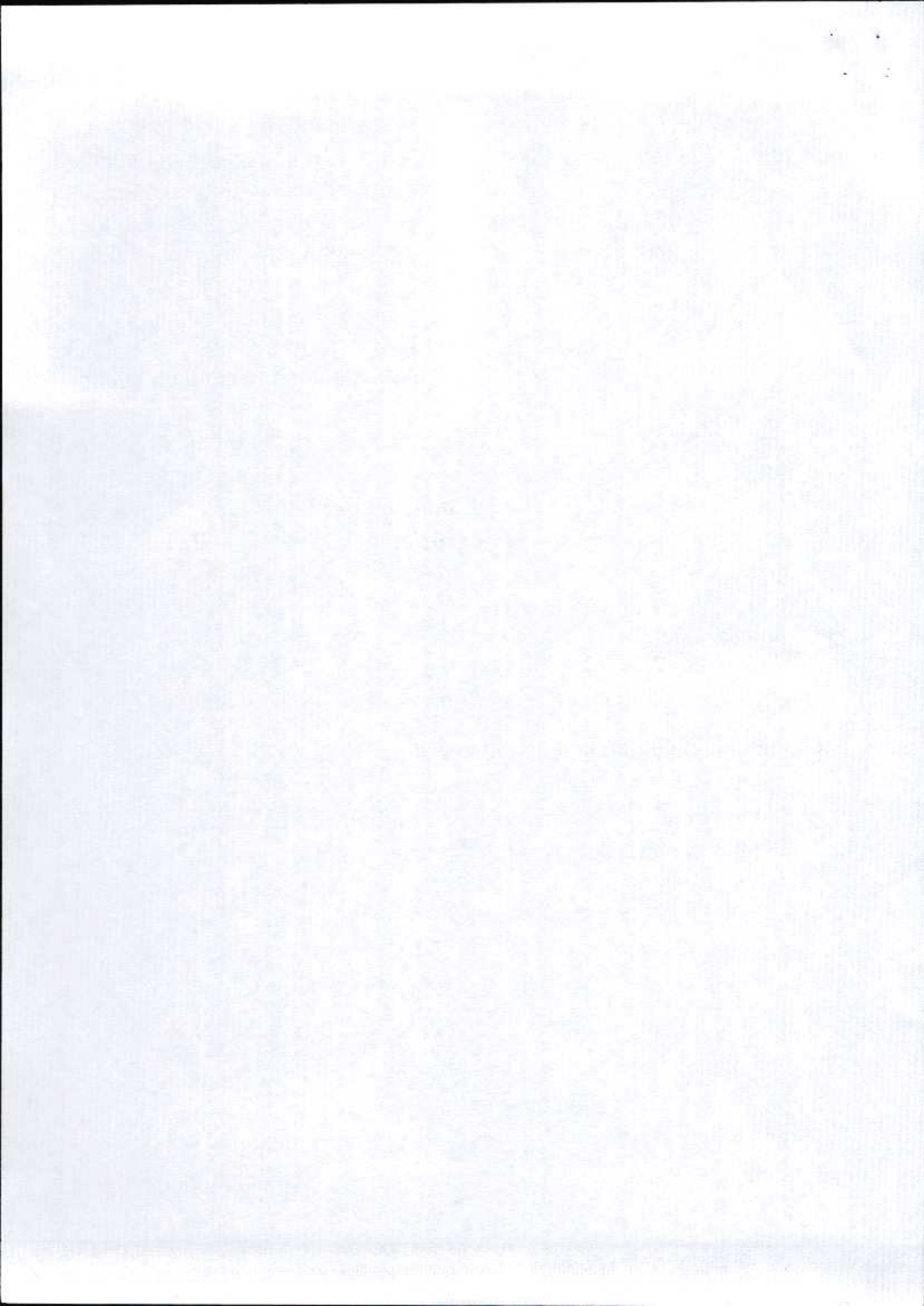
Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa



xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như: đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.*

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: *Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.*





Càng đi vào chi đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị

trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó*

khăn. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hoá đồng bộ, hài hoà với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hoá thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hoá nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hoá, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hoà với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội. Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì

*lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội. Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.*

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã

*hội chủ nghĩa*. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hoá v.v..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hoá v.v... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước Đổi mới (năm 1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái. Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm ngàn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm



nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hoá nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỉ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu

chí cao hơn trước). Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hoá cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hoá phát triển phong phú, đa dạng. Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hoá các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được

mở rộng; thế và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được "những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử". Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế*. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: "Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu

quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới" (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25 - 26).

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hoá, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu,

tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tinh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337 - 338). Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hoá cho nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. *Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội.* Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy

manh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hoá như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Và điều hết sức quan trọng là *phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động*. Tinh khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta *cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới*, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống.

---

## PHÁT BIỂU

của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng  
tại Hội nghị tổng kết công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương  
nhiệm kỳ 2016 - 2021  
(Hà Nội, ngày 17/4/2021)

-----

*Thưa các vị đại biểu,*

*Thưa các đồng chí,*

Hôm nay, tôi rất vui mừng được đến dự Hội nghị tổng kết công tác nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương. Với tình cảm của một người ít nhiều có quan hệ gắn bó với công việc của Hội đồng và tình đồng chí, đồng nghiệp thân thiết, tôi thân ái gửi tới các đồng chí và qua các đồng chí gửi tới toàn thể anh chị em làm công tác lý luận chính trị cả nước lời thăm hỏi chân tình và lời chúc mừng tốt đẹp nhất; chúc các đồng chí luôn luôn vui khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tôi được biết, các đồng chí đã chuẩn bị rất kỹ cho Hội nghị quan trọng này. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, các đồng chí đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cho nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các nhiệm kỳ tới. Qua Báo cáo của các đồng chí và các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, tôi cơ bản đồng tình, đánh giá cao các kết quả mà Hội đồng đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua (2016 - 2021), cũng như những phương hướng, nhiệm vụ đề ra cho thời gian tới. Sau đây tôi xin tham góp một số ý kiến có tính chất nhấn mạnh hoặc gợi mở thêm để các đồng chí tham khảo.

### **1. Về kết quả công tác của nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Có thể nói, đó là những kết quả to lớn, tương đối toàn diện, rất đáng trân trọng. Nổi bật là:

- Hội đồng đã luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ, phát huy các mặt thuận lợi, kinh nghiệm hoạt động và thế mạnh của Hội đồng, khắc phục các khó khăn, thách thức, triển khai một khối lượng lớn công việc, có bước tiến mới, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là đã thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn; xây dựng một số báo cáo tư vấn có chất lượng, góp phần giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết, kết luận quan trọng về các vấn đề như: Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; định hướng phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển v.v...

- Hội đồng đã tổ chức triển khai, quản lý một cách khá chặt chẽ, bài bản, có hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020 (KX.04/16-20). Các sản phẩm nghiên cứu của Chương trình có giá trị lý luận và thực tiễn, được chất lọc kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và góp phần thiết thực vào quá trình xây dựng dự thảo một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

- Hội đồng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng



đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) năm 2011. Qua tổng kết đã làm rõ thêm quá trình phát triển nhận thức lý luận của Đảng, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới; những hạn chế, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau cần giải quyết, và bước đầu đề xuất, kiến nghị một số quan điểm, định hướng nhằm từng bước hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tôi đặc biệt hoan nghênh và ghi nhận tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động của Hội đồng, các Tiểu ban của Hội đồng, nhất là Thường trực Hội đồng trong việc tham gia xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, trọng tâm là dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí uỷ viên Hội đồng là nòng cốt của Tổ Biên tập văn kiện Đại hội XIII đã làm việc một cách tích cực, nghiêm túc, khoa học, cầu thị, với tâm huyết, ý thức trách nhiệm cao, thực sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng dự thảo các văn kiện. Nhiều vấn đề do Hội đồng đề xuất trên cơ sở chất lọc, tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đã được Tiểu ban văn kiện, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội xem xét, chấp nhận đưa vào các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

- Tôi cũng rất vui mừng nhận thấy, *cơ quan Hội đồng đã thực sự là một tập thể đoàn kết, trách nhiệm, là đầu mối kết nối*

các thành viên của Hội đồng, tập hợp, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà khoa học, nhất là giới nghiên cứu lý luận trong cả nước; phát huy được tinh thần dân chủ, tích cực, sáng tạo và đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Hội đồng đã được cải thiện, đầu tư, nâng cấp một bước.

Có thể nói, 5 năm qua, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có những cố gắng đổi mới mô hình và phương thức hoạt động, tăng cường tập hợp đông đảo các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, học viện và các trường đại học; kế thừa thành quả, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước, đạt được những bước phát triển đáng ghi nhận, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Đảng ta, đất nước ta. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi xin ghi nhận, biểu dương và chúc mừng những đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương trong nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng cũng cần nhận thức sâu sắc và nỗ lực hơn nữa, khắc phục bằng được những hạn chế, thiếu sót, nhất là hạn chế về chất lượng, hiệu quả tư vấn ở tầm quan điểm, chiến lược, đường lối về lý luận chính trị như các đồng chí đã nêu trong Báo cáo. Đất nước ta đã qua 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, song hiện vẫn còn không ít vấn đề lý luận, thực tiễn chưa được luận giải thấu đáo và làm sáng tỏ; vẫn còn những vấn đề mới mà thực tiễn phát triển của thế giới, nhất là của Việt Nam đặt ra cần được nghiên cứu, tổng kết để góp phần phát triển, hoàn thiện đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, làm cơ sở tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động.

**2. Về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới:** Công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện của đất nước ta đang đi vào chiều sâu, đặt ra những nhiệm vụ mới, hết sức nặng nề nhưng rất vẻ vang đối với giới lý luận Việt Nam, trước hết là đối với Hội đồng Lý luận Trung ương. Nhân dịp này tôi muốn trao đổi, gợi mở thêm một số vấn đề để các đồng chí cùng suy nghĩ, thảo luận.

*Trước hết, cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nữa yêu cầu của công tác lý luận chính trị trong thời kỳ mới.* Đại hội XIII của Đảng đã xác định tầm nhìn chiến lược và lộ trình, bước đi rất cụ thể để phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm, 25 năm tới. Bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy phát triển trên cơ sở phát huy tiềm năng, vị thế, điều kiện thực tiễn của chúng ta, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, thời đại. Do vậy, "không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn. Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn", "phải có tầm nhìn vượt trước" (*như Tôi đã nói tại Kỳ họp thứ tư của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ này, ngày 23 tháng 12 năm 2017*); phải tạo được những bước đột phá về lý luận phát triển, khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng đường lối, chủ trương, định hướng, chính sách phát triển; khơi dậy khát vọng và phát huy ý chí, quyết tâm vươn lên của cả dân tộc; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: "Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng. Chỉ Đảng nào có lý luận tiên phong hướng dẫn thì Đảng đó mới làm tròn được vai trò là người chiến sĩ tiên phong".

Trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, công tác lý luận được nhấn mạnh và định hướng rất cụ thể gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; trực tiếp là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, với yêu cầu cao: "Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước" (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, tr.234 - 235). Hội đồng Lý luận Trung ương và giới lý luận nước ta phải trả lời cho được câu hỏi quan trọng: Để phục vụ và góp phần đạt được mục tiêu phát triển đất nước qua ba dấu mốc quan trọng 2025, 2030, 2045 thì mục tiêu phát triển lý luận Việt Nam là gì? Phải chăng, đến năm 2025, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 50 năm thống nhất đất nước, cần hoàn thiện cơ bản hệ thống lý luận về đường lối đổi mới; đến năm 2030, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, có thể bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; bổ sung, làm phong phú và tiến thêm một bước để hoàn thiện hơn nền tảng tư tưởng của Đảng; và đến năm 2045, khi nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao thì chúng ta sẽ có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, khoa học và hiện đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Cần xác định và thống nhất mục tiêu phát triển lý luận như vậy để quyết tâm phấn đấu, lao động, sáng tạo. Chú ý nghiên cứu những vấn đề mới về lý luận của thế giới; các vấn đề mới do thực tiễn đặt ra; kinh nghiệm của các nước tiên tiến; của cuộc cách mạng về khoa học công nghệ,... Từng bước bổ sung, hoàn thiện lý luận, xây dựng một hệ thống (nền) lý luận của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: Xây dựng và bảo vệ đất nước, mở cửa hội nhập, là bạn, là

đối tác tin cậy của các nước, có vị thế quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Có thể nói, một chân trời sáng tạo rộng lớn, một thời cơ phát triển rất tốt đẹp đang mở ra trước Hội đồng Lý luận Trung ương và giới lý luận nước nhà.

*Để phục vụ cho nhiệm vụ lớn lao ấy, Hội đồng phải tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tham vấn về lý luận chính trị, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Căn cứ vào Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Trung ương, Hội đồng phải xây dựng và triển khai kế hoạch tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để kịp thời xây dựng các báo cáo tư vấn; tổng kết, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sớm kết luận những vấn đề thực tiễn đã chín, đã rõ; xây dựng các chuyên đề lý luận có chất lượng để phục vụ chương trình nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; triển khai có hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2021 - 2025; phục vụ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, kết luận; góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống.*

Phải gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn phát triển các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; với xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo cách tiếp cận và yêu cầu mới là hình thành đồng bộ thể chế phát triển đất nước dựa chủ yếu vào nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo,

phát huy cao độ nhân tố con người là chủ thể phát triển, tạo động lực mạnh mẽ để đất nước phát triển nhanh, bền vững, thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, không rơi vào "bẫy thu nhập trung bình", thực hiện thành công mục tiêu trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Năm bài học kinh nghiệm được tổng kết trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII, như tôi đã nói tại Đại hội, phải chăng đây là những vấn đề lý luận căn cốt của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Hội đồng Lý luận Trung ương phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển và làm sâu sắc những nội dung này. Muốn thế, phải rất coi trọng việc nghiên cứu lý luận cơ bản gắn với việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, học tập, tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, nhất là những mô hình phát triển năng động, sáng tạo, hiệu quả. Tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận đòi hỏi một tinh thần và cách làm việc rất công phu, nghiêm túc, khoa học.

*Với trách nhiệm được giao, Hội đồng cần chủ động, thể hiện tốt vai trò là đầu mối phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương, các cấp uỷ địa phương, các cơ quan và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị cả nước trong hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu, thì càng có nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mới đặt ra, cần phát huy trí tuệ của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, mà nòng cốt là các cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận.*

Hội đồng Lý luận Trung ương phải xây dựng được một cơ chế và tạo môi trường thuận lợi để thu hút, tập hợp được đông đảo đội ngũ cộng tác viên, những chuyên gia, những nhà khoa học giỏi, có tâm, có tầm trên tất cả các lĩnh vực của đất nước; mở rộng các hình thức thảo luận, tranh luận, đối thoại lý luận

trên tinh thần khoa học, dân chủ, cầu thị; thật sự trân trọng những ý tưởng, những đề xuất lý luận có giá trị, hữu ích cho sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và cho quốc kế dân sinh. Hết sức tránh tư tưởng bảo thủ, cục bộ, võ đoán, quy chụp và cách làm khép kín. Phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận vì lợi ích của đất nước, dân tộc; đồng thời chủ động, kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với các luận điểm phản động, thù địch, xuyên tạc; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội đồng cần nỗ lực nhiều hơn để xây dựng hệ thống các luận cứ lý luận - thực tiễn thật sự khoa học, có tính chiến đấu, có sức thuyết phục cao, phục vụ một cách thiết thực, hiệu quả cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận với các thế lực thù địch, phản động đang và sẽ còn diễn ra gay gắt, quyết liệt.

*Hội đồng Lý luận Trung ương cần được tiếp tục kiện toàn, đổi mới để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới.* Thực tiễn 25 năm với 5 nhiệm kỳ hoạt động, Hội đồng đã khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong hệ thống các cơ quan ở Trung ương. Như tôi đã phát biểu trong lần gặp mặt và làm việc trước đây với Hội đồng: Các đồng chí cần làm "đúng vai và thuộc bài". Cần khẳng định: Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan trực thuộc Bộ Chính trị, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, là cơ quan tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của Đảng, làm tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phục vụ việc hoạch định, phát triển và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cần tổng kết nghiêm túc và phát huy những thành quả, ưu điểm đã đạt được; chỉ ra những mặt chưa được, những hạn chế, bất cập cả về chủ quan và khách quan để kịp thời khắc phục. Hội đồng cần chủ động làm việc với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan khác của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự; cơ chế, chính sách hoạt động, chế độ đãi ngộ phù hợp..., trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Đề nghị các cơ quan hữu quan tích cực giúp đỡ, phối hợp, hỗ trợ Hội đồng Lý luận Trung ương trong quá trình hoạt động, bảo đảm cho Hội đồng thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong không khí cả nước đang náo nức, phấn khởi, tin tưởng trước thành công rất tốt đẹp của Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khoá XIV, tích cực khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp, với trách nhiệm và tình cảm gắn bó thân thiết với Hội đồng và các đồng chí, tôi xin chúc Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tích hơn nữa, thắng lợi và thành công hơn nữa, xứng đáng với niềm tin yêu và sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chúc các đồng chí sức khoẻ, có nhiều niềm vui và hạnh phúc trong lao động sáng tạo và cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn.

---



## ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Quyết định số 238-QĐ/TW ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm

-----

### I. Lý do ra đời Quyết định số 238 - QĐ/TW

*1. Vai trò, tầm quan trọng của công tác tư tưởng (tuyên giáo) của Đảng trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm*

Đảng ta luôn coi trọng và khẳng định công tác tư tưởng (tuyên giáo) là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, có vai trò đi trước, mở đường nhằm tạo sự thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong mọi giai đoạn cách mạng. Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, càng đi sâu vào phát triển kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Đảng càng nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng chính trị, tổ chức, đạo đức, cán bộ và đề cao vai trò, tầm quan trọng của công tác tư tưởng (tuyên giáo) của Đảng trong việc tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa gần đây đều đã đề cập và đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng (tuyên giáo) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về **nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới**, Đảng đã chỉ rõ: "**Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống. Công tác tư tưởng, lý luận phải bám sát và phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, tích cực góp phần tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành kế hoạch nhà nước 5 năm 2001 - 2005**". Tiếp sau đó, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) "**Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới**", Đảng đã chỉ rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác tư tưởng (tuyên giáo): "**Thường xuyên gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại**", "**Bí thư cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị hàng năm phải lập kế hoạch chỉ đạo công tác tư tưởng của đơn vị mình, có biện pháp giải quyết kịp thời**", "**xây dựng cơ chế các cấp ủy đảng tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến**

*cơ sở với cơ quan làm công tác tư tưởng trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân”.*

Ngày 27/4/2009, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) ký Quyết định số 221-QĐ/TW ban hành *“Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân”* (gọi tắt là Quy chế 221).

Ngày 30/9/2020, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) ký Quyết định số 238-QĐ/TW ban hành *“Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm”* (gọi tắt là Quy chế 238).

Việc Ban Bí thư ban hành Quy chế 221 sau này sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế 238 là sự cụ thể hóa các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tư tưởng (tuyên giáo) trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm.

Trong thời điểm này, chúng ta càng cần phải khẳng định và nhận rõ vai trò, tầm quan trọng của công tác tuyên giáo đối với sự thống nhất tư tưởng chính trị, ý chí, hành động trong Đảng và sự đồng thuận của Nhân dân để thực hiện thắng lợi chiến lược, mục tiêu phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm và xa hơn là 20 năm, 30 năm tới. Vừa qua, cũng có một số cơ quan, đơn vị, lúc này lúc khác đã nhận thức chưa thực sự sâu sắc vấn đề này. Nhiều khi chỉ nặng về các nguồn lực vật chất để triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, mà chưa quan tâm đầy đủ hoặc có ý nào đó xem nhẹ vai trò, tầm quan trọng của công tác tư tưởng (tuyên giáo). Một số nơi, một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cho rằng khi thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khi xây dựng, triển khai chương trình, đề án, dự án lớn chỉ cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí là đủ, đâu cần phải phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương. Thậm chí có ý kiến cho rằng, việc xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp với Ban Tuyên giáo các cấp để làm công tác tư tưởng chỉ gây rắc rối thêm, làm chậm tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch, dự án, đề án.

**2. Yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của đất nước nói chung, trong đó có nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là rất to lớn, nặng nề, đòi hỏi phải có sự thống nhất rất cao về ý chí, hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề mục tiêu: “Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng là nước đang

phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) trở thành nước phát triển, thu nhập cao".

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 đã xác định: Việt Nam phấn đấu đến năm 2030, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.500 USD. Trong 5 năm tới (2021 - 2025), Việt Nam xác định tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt khoảng 6,5-7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, các cấp, ngành từ Trung ương tới địa phương phải triển khai thực hiện nhiều chủ trương, quyết sách của Đảng, Nhà nước được cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... Trong quá trình đó, có nhiều vấn đề mới đặt ra, tác động nhiều mặt đến tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đòi hỏi phải được giải đáp và giải quyết ngay từ khâu đề xuất chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án cho đến khi xây dựng, triển khai và sau khi kết thúc kế hoạch, chương trình, dự án... Do vậy, việc phối hợp chặt chẽ giữa Ban tuyên giáo các cấp với các cơ quan nhà nước cùng cấp trong thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là thực sự cần thiết nhằm tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân để thực hiện tốt chủ trương, đường lối phát triển đất nước; phòng ngừa và giải quyết kịp thời các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm.

*3. Các thế lực thù địch, phân động và bòn cơ hội chính trị ngày càng gia tăng các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Âm mưu cơ bản và lâu dài của chúng là xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, xóa bỏ vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Lợi dụng tối đa những ưu thế của công nghệ 4.0, các thế lực thù địch tăng cường nhiều thủ đoạn tinh vi để chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. "Diễn biến hòa bình" là một chiến lược nằm trong hệ thống chiến lược phân cách mạng của chủ nghĩa đế quốc, là "thủ đoạn hòa bình để giành thắng lợi". Trong chiến lược này, hoạt động tư tưởng - văn hóa được họ coi là "mũi đột phá" là "cây cầu dẫn vào trận địa", là lĩnh vực hàng đầu làm tan rã niềm tin, gây hỗn loạn về lý luận và tư tưởng, tạo ra khoảng trống để dần dần đưa hệ tư tưởng tư sản vào, rồi cuối cùng xóa bỏ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Chúng đã tổng kết: "Có những việc 100 máy bay chiến đấu không thực hiện nổi, nhưng chỉ cần 10 sứ giả lại có thể hoàn thành"; "một đài phát thanh cũng có thể bình định xong một đất nước". Đặc biệt, chúng cho rằng, ngày nay "làn sóng điện đang thay thế thanh gươm; cây bút là phương tiện đi vào trái tim khối óc con người"; "một đô la chi cho tuyên truyền có tác dụng ngang với 5 đô la chi cho quốc phòng"; "kích động vấn đề dân chủ, nhân

quyền, dân tộc, tôn giáo là bốn đòn đột phá khâu, bốn mũi xung kích để chọc thủng mặt trận tư tưởng chính trị". Những điều này, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu tại Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

Thời gian gần đây, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trong nước, công cuộc đổi mới đất nước hơn 30 năm qua bên cạnh những thành tựu to lớn, có nghĩa lịch sử, chúng ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức và hạn chế, bất cập, gây bức xúc xã hội. Lợi dụng điều đó, các thế lực thù địch và các phần tử phản động, cơ hội chính trị đã gia tăng các hoạt động chống phá với nhiều chiến lược và sách lược mới. Chúng tập trung khai thác, khoét sâu vào những hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế - xã hội để xuyên tạc vụ việc, kích động nhân dân tạo thành "điểm nóng", gây cản trở cho quá trình thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành từ Trung ương tới địa phương. Bằng chứng sinh động về vấn đề này đó là, khi sự cố môi trường biển gây hải sản chết bất thường tại một số tỉnh miền Trung (năm 2016) hay khi Quốc hội dự kiến xem xét dự thảo Luật Đặc khu hoặc khi Luật an ninh mạng được Quốc hội thông qua (năm 2018) hay vụ việc ở xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, Hà Nội (năm 2017 và năm 2020), vụ cá chết hàng loạt ở Hồ Tây (năm 2018)... , các thế lực thù địch bên ngoài đã lợi dụng triệt để lực lượng phản động, cơ hội chính trị ở trong nước kết hợp với báo chí, truyền thông, nhất là mạng xã hội để bóp méo bản chất sự việc, xuyên tạc chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước, kích động nhân dân biểu tình, chống đối, gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cản trở tới việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết bức xúc của nhân dân của các cơ quan chức năng.

Từ thực tế đó, đòi hỏi ban tuyên giáo các cấp và các cơ quan nhà nước cùng cấp phải có sự phối hợp thật chặt chẽ để đánh giá các tác động đến tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân; từ đó có những nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền, định hướng phù hợp, hiệu quả nhằm kịp thời ngăn ngừa và giải quyết cho được những vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm, kiên quyết không xảy ra "điểm nóng", "phức tạp", "nhạy cảm" để cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá trong quá trình các cơ quan chức năng thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

#### *4. Những kết quả, hạn chế và bất cập sau 10 năm thực hiện Quy chế 221*

Tổng kết 10 năm cho thấy, việc thực hiện Quy chế 221 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, khẳng định sự phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với các cơ quan nhà nước cùng cấp là rất cần thiết để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng (tuyên giáo) nhằm tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân

dân để thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Quy chế 221 còn tồn tại, hạn chế và bất cập. Những tồn tại, hạn chế đó, có nguyên nhân từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chưa quyết liệt; từ nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác tuyên giáo của các cơ quan nhà nước và từ nội dung Quy chế 221 mới dừng ở triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, mà chưa đề cập tới việc xây dựng và thực thi pháp luật; một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết vấn đề bức xúc của nhân dân chưa phân định rõ cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp; đồng thời cũng chưa làm rõ trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cũng như nguồn lực thực hiện chương trình phối hợp. Tính chủ động của các cơ quan trong thực hiện phối hợp chưa cao. Thực tế, không ít vụ việc, vấn đề có tính chất “phức tạp”, “nhạy cảm” xảy ra thời gian qua có nguyên nhân từ sự thiếu chủ động đề xuất nội dung, chương trình phối hợp ngay khi đề xuất chủ trương, chính sách của các cơ quan nhà nước và chỉ khi triển khai thực hiện gặp phải khó khăn, cản trở, không kiểm soát được thông tin, dư luận, mà thường gọi là “khủng hoảng truyền thông”, lúc đó mới đề nghị ban tuyên giáo các cấp chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền. Cách làm này dẫn đến tình trạng “tuyên giáo trở thành đi sau, nói lại”, trong khi nếu phối hợp tốt ngay từ khâu đầu thì chúng ta hoàn toàn có thể làm chủ được mặt trận thông tin, tuyên truyền; ngăn ngừa “khủng hoảng truyền thông”, tạo sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân để thực thi có hiệu quả cách chính sách, pháp luật và triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các chương trình, đề án lớn, có tính chất “nhạy cảm”, “phức tạp”.

Trước tình hình đó, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Quy chế 221, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Quy chế 238 nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của công tác phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đất nước trong tình hình mới cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng của ngành Tuyên giáo và các cơ quan Nhà nước.

## II. Quá trình xây dựng, mục đích, yêu cầu của Quy chế

### 1. Quá trình tổng kết Quy chế 221 và xây dựng, ban hành Quy chế 238

Nhận thấy vai trò, tầm quan trọng của việc phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm; Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương tổng kết 10 năm thực hiện Quy chế 221 từ năm 2019.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương đã xây dựng Báo cáo tổng kết trên cơ sở báo cáo đánh giá của 22 bộ, 04 cơ quan ngang bộ, 67 tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương kết hợp với việc khảo sát tại 15 tỉnh, thành phố, 15 huyện, thị đại diện cho các vùng miền trên cả nước và 8 bộ, ngành Trung ương; tổ chức điều tra xã hội học (với hơn 2000 phiếu) ở các bộ, ngành Trung ương và 18 tỉnh, thành phố. Trên cơ sở báo cáo đánh giá tổng kết 10 năm thực hiện Quy chế 221, Ban Tuyên giáo Trung ương đã xây dựng dự thảo Quy chế 238 và tổ chức nhiều cuộc họp để xin ý kiến góp ý của ban tuyên giáo các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các ban, bộ, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; đồng thời xin ý kiến của lãnh đạo Chính phủ trước khi trình Ban Bí thư cho ý kiến.

Trước khi được ban hành, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã xem xét rất kỹ tại hai kỳ họp. Đặc biệt, từng nội dung nêu trong Quy chế được các đồng chí trong Ban Bí thư Trung ương Đảng bàn thảo sâu sắc, cân nhắc kỹ từng đối tượng, phạm vi phối hợp, trong đó chỉ rõ nội dung, vấn đề nào thì giao ban tuyên giáo các cấp chủ trì, vấn đề nào giao các cơ quan nhà nước chủ trì, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; thậm chí từng "cụm từ" trong Quy chế đều được Ban Bí thư cho ý kiến cụ thể; tất cả đều nhằm mục tiêu khi Quy chế được ban hành có thể triển khai thực hiện một cách hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

## *2. Mục đích, yêu cầu của Quy chế*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ: "Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên". Để hoàn thành các nhiệm vụ đó, các cấp, các ngành phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực,...; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, vướng mắc; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của cả hệ thống chính trị... coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển".

Việc ban hành và triển khai thực hiện Quy chế 238 nhằm góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; đồng thời đó là hiện thực hóa các nghị quyết của Đảng qua các nhiệm kỳ về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng (tuyên giáo) trong tình hình mới, giúp các cơ quan phối hợp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

## **III. Những nội dung cơ bản của Quy chế 238**

Quy chế 238 là sự tiếp nối, bổ sung, phát triển Quy chế 221 nên có nhiều điểm mới. Nội dung Quy chế được kết cấu thành 5 chương, chủ yếu tập trung vào 4 vấn đề đã được xác định như sau:

### 1. Đối tượng và phạm vi phối hợp

So với Quy chế 221, Quy chế 238 đã mở rộng hơn về đối tượng và phạm vi phối hợp, cụ thể:

- Quy chế 221 quy định đối tượng phối hợp là “ban tuyên giáo các cấp với các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp” nhưng Quy chế 238, Ban Bí thư Trung ương đã mở rộng đối tượng phối hợp là “ban tuyên giáo các cấp với các cơ quan nhà nước cùng cấp”, bao gồm các cơ quan dân cử (Quốc hội, các cơ quan trực thuộc Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp); các cơ quan quản lý Nhà nước (Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ); các cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao). Riêng ở cấp Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Quốc hội và các cơ quan trực thuộc Quốc hội; với Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ, với các cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).

- Quy chế 221 giới hạn việc phối hợp trong “triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc nhân dân”, nhưng Quy chế 238 mở rộng, bổ sung nội dung mới đó là phối hợp trong “thực thi pháp luật”; đồng thời thay cụm từ “triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề bức xúc của nhân dân” thành “giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm”.

### 2. Nội dung phối hợp

Quy chế 238 nêu rất rõ 4 nội dung phối hợp mang tính chất phối hợp thường xuyên trong “thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” và 2 nội dung phối hợp khi “giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm”, cụ thể:

- Nội dung phối hợp thường xuyên, gồm: Chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết sách của bộ, ngành, địa phương; tham mưu cấp ủy đảng giải pháp công tác tư tưởng khi triển khai các dự án, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm quốc gia, địa phương có ảnh hưởng đến di tích lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo; công tác cán bộ; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; bảo vệ môi trường; biên giới, hải đảo, độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia; tự do ngôn luận; yếu tố nước ngoài; khi xét xử các vụ án lớn; phát hiện, nhân rộng nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đề xuất cấp ủy đảng, chính quyền các cấp biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực thi pháp luật và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin giả, sai sự thật, ngăn cản việc thực thi pháp luật và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nội dung phối hợp khi có vấn đề nổi cộm, nhân dân dân quan tâm, gồm: Tham mưu cấp ủy chỉ đạo giải quyết các vấn đề bức xúc của Nhân dân và trực tiếp tham gia giải quyết các vấn đề bức xúc của Nhân dân.

### 3. Trách nhiệm phối hợp

Quy chế 238 nêu rõ trách nhiệm của Ban Tuyên giáo các cấp, các cơ quan dân cử, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan tư pháp các cấp; trong từng nội dung phối hợp, làm rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp; đặc biệt làm rõ vai trò chủ động của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phối hợp thường xuyên và vai trò của ban tuyên giáo các cấp khi có vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm.

### 4. Phương thức phối hợp

Quy chế nêu rõ phương thức phối hợp trong “thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” đó là ký kết chương trình, kế hoạch phối hợp thường xuyên, hàng năm hoặc với từng chương trình, dự án, đề án lớn.

Khi xảy ra vụ việc “phức tạp”, “nhạy cảm” thì các cơ quan liên quan các cấp phải thông tin kịp thời bằng nhiều kênh tới ban tuyên giáo cùng cấp để phối hợp xử lý, định hướng thông tin, tuyên truyền phù hợp, nhanh chóng và hiệu quả.

## IV. Một số vấn đề cần lưu ý trong chỉ đạo tổ chức thực hiện

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhận định: “Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Những tác động thuận và không thuận của tình hình thế giới, khu vực, trong nước càng khẳng định sự cần thiết phải làm tốt công tác tư tưởng, công tác phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp để góp phần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của đất nước, địa phương, đơn vị.

Quy chế 238 được triển khai trong không khí cả nước vui mừng, phấn khởi chào mừng thành công của Đại hội Đảng; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tích cực, khẩn trương xây dựng chương trình hành động đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đi vào cuộc sống, đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nhà nước cấp Trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan cần lưu ý một số điểm sau:

1. Cần nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc mục đích, yêu cầu, nội dung Quy chế 238; trên cơ sở đó có sự thống nhất cao về ý chí, quyết tâm, thấy đầy đủ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế 238. Ban Tuyên giáo và các cơ quan nhà nước các cấp phải xác định việc thực hiện Quy chế 238 của Ban Bí thư chính là giúp ban, bộ, ngành và cơ quan, đơn vị mình làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được phân công, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội, bảo



đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

2. Đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nhà nước cấp Trung ương tiếp tục chỉ đạo tổ chức quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc những nội dung đã được nêu trong Quy chế 238. Người đứng đầu, thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp Trung ương khẩn trương chỉ đạo lựa chọn nội dung trọng tâm, sát với chức năng, nhiệm vụ để thống nhất với Ban Tuyên giáo Trung ương xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp; phân công 01 đồng chí lãnh đạo cơ quan, bộ, ngành và 01 đơn vị đầu mối thường trực theo dõi, đôn đốc việc triển khai chương trình phối hợp; đồng thời có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn ngành dọc chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai công tác phối hợp với ban tuyên giáo cùng cấp theo Quy chế 238.

Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương phân công Vụ Tuyên truyền là đầu mối thường trực các chương trình phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan; phối hợp với các vụ, đơn vị của Ban giúp Lãnh đạo Ban chỉ đạo triển khai và sơ kết đánh giá hàng năm kết quả thực hiện chương trình; tham mưu, chủ trì việc tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế 238 ở cả trung ương và địa phương.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan thường trực giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo, quyết định nội dung, mức độ và phạm vi thông tin, tuyên truyền đối nội, đối ngoại khi có vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Tuy nhiên, vụ việc bức xúc, nổi cộm nào diễn ra thuộc chức năng, quyền hạn của cấp nào, ngành nào thì cấp đó, ngành đó phải chủ động giải quyết và đề xuất phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương. Theo Quy chế, đồng chí Bí thư Đảng đoàn, Bí thư Ban cán sự đảng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả công tác phối hợp thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, nhân dân quan tâm. Ban Tuyên giáo Trung ương chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư Trung ương Đảng nếu các cơ quan nhà nước đã đề nghị phối hợp công tác tư tưởng nhưng chậm trễ triển khai.

4. Đề nghị Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng các bộ và cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các đồng chí Bí thư Đảng đoàn, Bí thư ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước ở Trung ương tăng cường công tác, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế 238 của cơ quan, bộ, ngành mình, yêu cầu cơ quan nhà nước thực hiện chế độ báo cáo kết quả triển khai công tác phối hợp cho cấp ủy; kết quả đó được đưa vào Báo cáo xây dựng Đảng hàng năm, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng liên quan đến bảo vệ an ninh chính trị, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Quy chế 238 nêu rõ Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Tòa án nhân

dân tối cao, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo Ban Bí thư việc thực hiện Quy chế. Do đó, đề nghị các cơ quan trên hợp tác chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện Quy chế. *đ*

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG**